

CÁCH CHUYỂN DỊCH TỪ NGỮ XUNG HÔ TRONG GIAO TIẾP TIẾNG ANH SANG TIẾNG VIỆT

(QUA NGUYÊN BẢN *GONE WITH THE WIND* VÀ BẢN DỊCH *CUỐN THEO CHIỀU GIÓ*)

TRANSLATION OF VOCATIVE WORDS FROMS ENGLISH INTO VIETNAMESE IN *GONE WITH THE WIND* AND *CUỐN THEO CHIỀU GIÓ*

TRẦN THỊ KIM TUYẾN
(ThS, Đại học Vinh)

Abstract

The article investigates vocative words in the dialogues in Margaret Mitchell's work, *Gone with the wind* and its translation by Vu Kim Thu, *Cuốn theo chiều gió*, in order to find out which is effective way to translate the vocative words from English into Vietnamese. The results of the research can be applied in teaching foreign languages in general, and in teaching English in particular.

1. Đặt vấn đề

Chuyển dịch từ tiếng này sang tiếng khác là một vấn đề phức tạp bởi đó không đơn thuần chỉ là tri thức ngôn ngữ mà còn liên quan đến văn hóa, tâm lý xã hội. Nghiên cứu vấn đề này không chỉ góp phần tìm hiểu ngôn ngữ, văn hóa mà còn hữu ích đối với việc dạy học tiếng nước ngoài. Lâu nay vấn đề chuyển dịch ngôn ngữ đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trên nhiều góc độ khác nhau, trong đó có việc nghiên cứu văn bản dịch. Qua khảo sát và phân tích những cuộc hội thoại của các nhân vật trong văn bản *Gone with the wind* của tác giả Margaret Mitchell và bản dịch *Cuốn theo chiều gió*, ở bài viết này, chúng tôi muốn góp phần vào việc nghiên cứu cách thức chuyển dịch biểu thức xưng hô từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Khái niệm về xưng hô

Theo *Từ điển tiếng Việt* (8, Hoàng Phê chủ biên, 1994) “Xưng hô là tự xưng mình

và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau” (tr.1124). Như vậy khi tham gia giao tiếp, các nhân vật phải dùng từ xưng hô. Theo từ điển *Macmillan English dictionary* thì: Từ xưng hô là một loại danh từ trong ngôn ngữ được sử dụng để chỉ một người hay vật đang được nói đến (A vocative word ‘linguistics’ is a type of noun in some languages that is used for showing that a particular person or thing is being spoken to) [5, tr. 1577]. Từ xưng hô đã được các tác giả khác đề cập đến như: Diệp Quang Ban, Nguyễn Tài Cẩn, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Văn Chiến, Đinh Văn Đức, Hoàng Trọng Phiến, Bùi Minh Yến, Trương Thị Diễm, Đỗ Thị Kim Liên,...

Từ xưng hô là một phạm trù ngôi: ngôi một trở người nói, ngôi hai trở người nghe, ngôi ba trở người hay vật được nhắc đến với chức năng định vị và chức năng thể hiện

quan hệ liên nhân. Như vậy, từ xưng hô là một lớp từ đặc biệt được sử dụng khi thực hiện hành vi giao tiếp trong các ngôn ngữ. Chúng được các nhân vật sử dụng với nhiều chức năng như định vị, thiết lập quan hệ liên nhân và biểu lộ thái độ tình cảm, tâm lí, nhận thức khi tham gia giao tiếp trong gia đình và ngoài xã hội.

3. Về tác phẩm *Gone with the wind* và bản dịch *Cuốn theo chiều gió*

Gone with the wind là tiểu thuyết rất nổi tiếng của tác giả Margaret Mitchell, xuất bản năm 1936, được giải Pulitzer năm 1937, là một trong những tác phẩm được nhiều người biết đến nhất và đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới, bán hàng trăm triệu bản trên toàn cầu trong 75 năm qua. Bộ phim phỏng theo nó được phát hành năm 1939, đã trở thành phim Mỹ đạt doanh thu từ tiền vé nhiều nhất và được nhiều giải Oscar kỉ lục. Tác phẩm này được nhiều dịch giả dịch sang tiếng Việt, như Dương Tường, Lê Công Thành, ... chúng tôi chọn bản dịch của Vũ Kim Thư.

Câu chuyện được đặt bối cảnh tại Georgia và Atlanta, xoay quanh một người phụ nữ có cá tính mạnh mẽ ở miền nam Hoa Kỳ, tên là Scarlett O'Hara, phải tìm mọi cách để sống sót qua chiến tranh, vượt lên cuộc sống khó khăn mà nàng cùng với bạn bè, gia đình và những người thân yêu đã trải qua tại miền Nam Hoa Kỳ trong suốt thời kì nội chiến và thời kì tái thiết. Đồng thời, câu chuyện kể về một tình yêu được kết tinh giữa Scarlett O'Hara và Rhett Butler, làm thổn thức bao trái tim, một chuyện tình được xem là *bất hủ* và *lãng mạn*, tuyệt vời nhất của mọi thời đại.

4. Những khác biệt trong cách xưng hô giữa bản gốc (tiếng Anh) và bản dịch (tiếng Việt)

4.1. Khác biệt về số lượng đại từ và danh từ trong sử dụng

Trong tiếng Anh và tiếng Việt đều có đại từ *đích thực* và danh từ thân tộc được sử

dụng xưng hô khi giao tiếp. Nhưng điểm khác biệt giữa hai ngôn ngữ ở đây là trong tiếng Anh, hệ thống đại từ *đích thực* thường được sử dụng, trái lại, trong tiếng Việt, vị trí này dành cho danh từ thân tộc.

a. Đại từ

Đại từ nhân xưng *đích thực* và các danh từ. Về đại từ nhân xưng *đích thực*, trong tiếng Anh là *I, He, She, It, You, We, They* và những biến thể của chúng là *Me, Him, Her, Us, Them*. Còn trong tiếng Việt gồm: *tôi, tớ, ta, tao, mi, mày, hắn, y, gã, thị, á...* Chúng đều có sự phân chia rõ ràng về ngôi thứ như ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và ngôi thứ ba.

Bảng phân chia ngôi thứ của đại từ nhân xưng trong tiếng Anh và tiếng Việt

ĐTNX	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Ngôi		
Ngôi thứ nhất	<i>I (Me), We (Us)</i>	<i>Tôi, tớ, ta, tao, ...</i>
Ngôi thứ hai	<i>You</i>	<i>Mi, mày, ...</i>
Ngôi thứ ba	<i>He (Him), She (Her), It, They (Them)</i>	<i>Hắn, y, gã, thị, á, ...</i>

Ví dụ (1): Một cuộc nói chuyện giữa Scarlett và Rhett Butler về việc Rhett vô tình nghe được câu chuyện bí mật của Scarlett được trích trong [4] và [6], các đại từ nhân xưng được thể hiện qua các ví dụ sau:

Tiếng Anh	Tiếng Việt
Scarlett: Sir, you should have made known your presence!	→ Scarlett: Thưa ông, đáng lẽ ông phải cho biết là ông có mặt nơi đây.
Rhett: ... But you were the intruder. I was forced to wait for Mr. Kennedy ...	→ Rhett: ... Đúng ra chính cô mới là kẻ quấy rầy. Tôi phải buộc lòng đợi ông Kennedy ...

Ở các ví dụ trên, trong tiếng Anh, đại từ nhân xưng ở ngôi thứ hai "**You**" được sử dụng hai lần để gọi người nghe và đại từ nhân xưng ở ngôi thứ nhất "**I**" để tự xưng. Còn trong tiếng Việt thì chỉ có một đại từ "**tôi**" được sử dụng.

Trong giao tiếp tiếng Anh, hai đại từ “**I**” và “**You**” vốn được sử dụng rất rộng rãi khi nói cũng như viết với bất kỳ ai, không phân biệt tuổi tác, giới tính, vị thế xã hội, quan hệ giữa người nói và người nghe. Tương ứng trong tiếng Việt, [you] lại có thể dịch là **cô** hoặc **ông**.

Như vậy cũng có thể thấy, đại từ nhân xưng trong tiếng Anh được sử dụng nhiều hơn trong tiếng Việt, vì thế khi chuyển sang tiếng Việt thì người dịch phải cân nhắc giữa nhiều lựa chọn và phải chọn đúng và phù hợp khi sử dụng cho các danh xưng.

b. Danh từ

Cùng với đại từ nhân xưng thì danh từ là một phần khá quan trọng trong biểu thức xưng hô, nó chiếm số lượng từ rất lớn và có phần lấn át các đại từ khi giao tiếp tiếng Việt. Đó là các danh từ như tên riêng, danh từ chỉ người, danh từ chỉ nghề nghiệp, danh từ thân tộc được chuyển hoá thành từ xưng hô. Còn trong giao tiếp tiếng Anh, danh từ cũng được sử dụng trong các cuộc thoại, nhưng có hạn chế hơn. Cũng từ ngữ cảnh nêu ở ví dụ (1) ở trên, các từ xưng hô bằng danh từ được dùng trong đó thể hiện qua các ví dụ sau:

Tiếng Anh	Tiếng Việt
Scarlett: Sir , you should have made known your presence!	→ Scarlett: Thưa ông , đáng lẽ ông phải cho biết là ông có mặt nơi đây.
Rhett: ... But you were the intruder. I was forced to wait for Mr Kennedy ...	→ Rhett: ... Đúng ra chính cô mới là kẻ quấy rầy. Tôi phải buộc lòng đợi ông Kennedy ...

Từ các ví dụ trên cho thấy, trong tiếng Anh, từ xưng hô bằng danh từ ở ngôi thứ hai “**Sir**” được sử dụng để gọi người nghe một cách lịch sự, ở ngôi thứ ba có một danh từ “**Mr Kennedy**” được sử dụng và không có từ xưng hô nào bằng danh từ ở ngôi thứ nhất để

tự xưng. Còn trong tiếng Việt thì có ba danh từ thân tộc “**ông**” và một biểu thức: *danh từ thân tộc + tên/ họ* là “**ông Kennedy**” được sử dụng.

Như vậy cũng có thể thấy, số lượng từ xưng hô bằng danh từ trong tiếng Anh được sử dụng ít hơn trong tiếng Việt. Đặc biệt là tiếng Anh chỉ sử dụng danh từ thay cho đại từ nhân xưng ở ngôi thứ hai, thứ ba chứ không thay cho đại từ nhân xưng ở ngôi thứ nhất như trong tiếng Việt. Vì thế, khi dịch sang tiếng Việt, phải chú ý chuyển đổi theo sắc thái tình cảm, tâm lí, văn hoá và những mối quan hệ gia đình và xã hội của các nhân vật cho phù hợp.

4.2. Từ xưng hô trong chuyển dịch

a. Theo Đỗ Hữu Châu thì “Chuyển dịch từ xưng hô của các ngôn ngữ Ấn - Âu sang tiếng Việt quả là một điều khó khăn” [1]. Tác giả Nguyễn Văn Chiến thì cho rằng “Nếu coi tiếng Việt là ngôn ngữ phiên dịch (ngôn ngữ đích) để chuyển dịch các ngôn ngữ khác qua nó thì lớp từ xưng hô của tiếng Việt là một hiện tượng gây ra nhiều chuyện rắc rối...” [2]. Từ các nhận định này và các phân tích trên, chúng tôi cũng thấy rằng hệ thống từ xưng hô ở mỗi ngôn ngữ vốn dĩ đã phức tạp lại càng phức tạp hơn khi chuyển dịch sang một ngôn ngữ khác, đặc biệt là khi chuyển sang tiếng Việt. Điều đó được biểu hiện rất rõ qua hai văn bản chúng tôi đang tìm hiểu.

b. Những biểu hiện khác biệt trong cách xưng hô giữa bản gốc và bản dịch.

Trong rất nhiều đoạn hội thoại của các nhân vật trong tiểu thuyết như Scarlett O’Hara, Rhett Butler, Ashley, Melanie, Charles, Frank, hai anh em sinh đôi (Brent, Stuart), ... nhưng ở đây, chúng tôi chỉ lấy một vài cuộc để làm ví dụ điển hình từ ngữ xưng hô qua vài cuộc đàm thoại để làm ví dụ điển hình.

Tiếng Anh [4]	Tiếng Việt [6]
(2) Scarlett: “ I know you two don’t care about being expelled, or Tom either. But what about Boyd ? He ’s kind of set on getting an education, and you two have pulled him out of the University of Virginia and Alabama and South Carolina and now Georgia. ...”.	→ (3) Scarlett: “ Tôi biết 2 anh bất cần chuyện đuổi học, cả anh Tom cũng vậy. Nhưng chẳng biết anh Boyd sẽ ra sao? Anh ấy hiếu học, nhưng hai anh lại làm cho anh ấy lần lượt phải bỏ học ở Virginia, Alabama, South Carolina, và bây giờ tới Georgia ...
(4) Brent: “Oh, he can read law in Judge Parmalee ’s office over in Fayetteville. Besides, it don’t matter much. We ’d have had to come home before the term was out anyway.”	→ (5) Brent: Ô, có gì đâu. Anh ấy có thể học luật tại văn phòng thẩm phán Parmalee ở Fayetteville. Và lại, chuyện cũng chẳng có gì quan trọng. Đẳng nào thì bọn này cũng phải trở về trước khi hết học trình.
(6) Scarlett: “Why?”	→ (7) Scarlett: Sao vậy ?
(8) Stuart: “The war, goose ! The war’s going to start any day, and you don’t suppose any of us would stay in college with a war going on, do you ?”	→ (9) Stuart: Chiến tranh chớ còn sao nữa cô bé khờ , chiến tranh sắp sửa bùng nổ bất cứ khi nào. Cô tưởng có đứa nào trong bọn này sẽ chịu đi học trong khi chiến tranh diễn ra, phải không?”
(10) Scarlett: You know there isn’t going to be any war. It’s all just talk. Why, Ashley Wilkes and his father told Pa just last week that our commissioners in Washington would come to - to - an - amicable agreement with Mr. Lincoln about the Confederacy. And anyway, the Yankees are too scared of us to fight. There won’t be any war, and I ’m tired of hearing about it.”	→ (11) Scarlett: Các anh dư biết là không có chiến tranh mà chỉ nói cho có chuyện thôi. Nếu có thì tại sao anh Asley Quylkes và ba anh ấy nói với ba tôi là mấy ông đặc uỷ của mình tại Hoa Thịnh Đốn tuần tra đã đi tới một thoả hiệp với ông Lincoln về chánh sách Liên Bang. Và lại, bọn Yankee quá sợ mình thì làm sao dám đánh. Nhứt định là không có chiến tranh đâu, tôi chán nghe chuyện đó lắm rồi.
(12) The twins: Not going to be any war!	→ (13) The twins: Không có chiến tranh!
(14) Stuart: Why, honey , of course there’s going to be a war. The Yankees may be scared of us , but after the way General Beauregard shelled them out of Fort Sumter day before yesterday, they ’ll have to fight or stand branded as cowards before the whole world...	→ (15) Stuart: Có chớ, cung ơi , nhứt định sắp có chiến tranh. Có lẽ bọn Yankee vẫn sợ mình , nhưng qua cái lối Đại tướng Beauregard nã đại bác đẩy bật chúng ra khỏi căn cứ Sumter, chúng bắt buộc sẽ phải đánh trả nếu không muốn cả thế giới coi chúng là những tên khiếp nhược ...

Chúng tôi thấy:

b1. Về đại từ:

Đối với ngôi thứ nhất số ít “**I**” và ngôi thứ hai “**you**”: Ở ví dụ (2), là ba người quen thân, Scarlett nhỏ tuổi hơn Brent và Stuart, Scarlett tự xưng là “**I**”, với sắc thái trung hoà và sử dụng tổ hợp từ: *đại từ + từ chỉ số lượng*, để gọi Brent và Stuart là “**you two**”, với sắc thái trung hoà.

Còn ở ví dụ (3) là “**Tôi - hai anh**”, người nói sử dụng đại từ nhân xưng “**tôi**”, thể hiện thái độ chín chắn, trưởng thành, tự tin với cái tôi của bản thân và sử dụng tổ hợp: *từ chỉ số lượng + danh từ thân tộc* để gọi người nghe ở ngôi thứ hai là “**hai anh**”, với sắc thái thương mến, kính trọng. Điều này cho

thấy, trong cùng một câu nói ở tiếng Việt có sự kết hợp đại từ và danh từ để xưng gọi, có thể hiện sự phân biệt giới là nam theo mối quan hệ thứ bậc: người nói nhỏ tuổi hơn người nghe.

Bên cạnh đó, chúng tôi thấy đại từ “**you**” ở ví dụ (8) được dịch giả dùng danh từ thân tộc “**cô**” để dịch khi Stuart gọi Scarlett như ở ví dụ (5), trong trường hợp này danh từ “**cô**” có nghĩa là **cô em**, có thể hiện mối quan hệ thứ bậc: người nói lớn tuổi hơn người nghe.

Hoặc như ở ví dụ (16) và ví dụ (17) dưới đây, nhân vật trong hội thoại này là một chàng trai trẻ Ashley, dùng đại từ nhân xưng với sắc thái trung hoà để tự xưng là “**I**” và dùng “**you**” để gọi Scarlett:

(16) Ashley: “Scarlett, **I** have something so important to tell **you** that **I** hardly know how to say it.” → (17) Scarlett: “Scarlett, **anh** có một chuyện quan trọng muốn nói với **em**, nhưng **anh** không biết phải nói như thế nào”. Trong trường hợp này, dịch giả đã sử dụng cặp từ xưng hô bằng danh từ thân tộc “**anh - em**” để chuyển dịch, với sắc thái thân tình, gần gũi, rất phù hợp với ngữ cảnh tình cảm lãng mạn của trai gái trong giao tiếp tiếng Việt.

Cũng ở một ví dụ khác (18) và ví dụ (19), nhân vật trong hội thoại này là một chàng trai trẻ Stuart, dùng đại từ “**T**” để tự xưng và dùng “**You**” để gọi người anh em sinh đôi của mình, Brent, với sắc thái trung hoà.

(18) **I** kept thinking she would. Why do **you** suppose . . .” → (19) Stuart: Theo **tao** thì phải vậy. Tại sao **mày** nghĩ là ...

Ở ví dụ (19), cặp đại từ “**mày - tao**”, được sử dụng với sắc thái thân mật, suồng sã để chuyển dịch, rất phù hợp với ngữ cảnh thân mật, gần gũi trong giao tiếp tiếng Việt.

Đối với ngôi thứ nhất số nhiều “**we (us)**” và ngôi thứ hai “**you**”: Thì có đại từ “**we**” ở ví dụ (4), làm chủ ngữ, đứng ở đầu câu và biến thể của nó là “**us**” ở ví dụ (8), (14) làm tân ngữ, bổ ngữ cho động từ, với sắc thái trung hoà được Brent và Stuart sử dụng để tự xưng, được dịch là “**bọn này**” ở ví dụ (5), (9), để chỉ cả hai người họ, theo biểu thức: *bọn + đại từ chỉ định*. Bên cạnh đó, trong tiếng Anh cũng có dùng tổ hợp từ là *đại từ bất định + giới từ + đại từ ở dạng biến thể* (biến thể “**us**” của đại từ “**we**”): *any of us* như ở ví dụ (8), với sắc thái trung hoà nhưng khi chuyển dịch sang tiếng Việt là “**đứa nào trong bọn này**” (9), thể hiện sắc thái thân mật, suồng sã.

Trong ví dụ (20), Stuart sử dụng biến thể “**us**” của đại từ “**we**”, thể hiện ý nghĩa bao gộp ngôi một và ngôi hai khi thực hiện lời đề nghị với Brent, với sắc thái trung hoà. Còn ở

ví dụ (21), đại từ “**mình**” mang nghĩa bao gộp ngôi, được sử dụng để chuyển dịch với sắc thái thân thiết, gần gũi.

(20) Stuart: Well, let’s go over to Cade Calvert’s and have supper. → (21) Stuart: Thôi, **mình** qua Cade Calvert ăn tối đi.

Trong ví dụ (22), Stuart sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều “**we**” khi tự xưng với Jeems (người đầy tớ trung thành của hai anh em), với sắc thái trung hoà. Còn trong ví dụ (23), dịch giả đã sử dụng đại từ “*tụi tao/ tụi này*” theo biểu thức: *tụi + đại từ nhân xưng/ đại từ chỉ định*, để chỉ nhiều người tự xưng ở ngôi thứ nhất, với sắc thái suồng sã, thể hiện mối quan hệ thứ bậc: chủ - tớ.

(22) Stuart:... and tell Ma that **we** won’t be home for supper. → (23) Stuart:... Thôi nói cho má **tụi tao** hay là **tụi này** không ăn tối.

Trong ví dụ (24), ông Henry sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều “**we**” khi tự xưng với Melanie, mang ý nghĩa bao gộp ngôi, với sắc thái trung hoà.

(24) Henry: ... **We**’ve got to win it. → (25) Henry: ... **Chúng ta** phải chiến thắng mới được.

Ở ví dụ (25), dịch giả đã sử dụng đại từ nhân xưng bao gộp ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai “**chúng ta**”, với sắc thái trung hoà để chuyển dịch.

Đối với ngôi thứ ba số ít “**he (him), she (her)**”: Trong ví dụ (4), đại từ “**he**” làm chủ ngữ, đứng ở đầu câu và biến thể của nó là “**him**” (2) là tân ngữ, làm bổ ngữ, với sắc thái trung hoà, có thể hiện sự phân biệt giới tính là nam khi được nhắc đến. Trong ví dụ (8), có sử dụng danh từ thân tộc “**anh**” và đại từ chỉ định “**ấy**” để chỉ anh Boyd, là ngôi thứ ba vắng mặt, theo biểu thức: *danh từ thân tộc + đại từ chỉ định*, với sắc thái thương mến, tôn trọng, điều này cho thấy, cả Brent, Stuart và Scarlett đều rất kính nể anh Boyd, có sự phân biệt giới tính là nam và thể

hiện mối quan hệ thứ bậc: người nói (ngôi thứ nhất) nhỏ tuổi hơn người được nhắc đến (ngôi thứ ba).

Trong ví dụ (26), Scarlett sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít “*she*” khi hỏi về Melanie Hamilton (là nhân vật đặc biệt, lúc đầu là tình địch của Scarlett nhưng về sau là chị chồng đáng kính của cô và lúc đầu là em họ của Ashley nhưng về sau là vợ của anh ta), với sắc thái trung hoà, có sự phân biệt giới tính là nữ khi được nhắc đến. Còn trong ví dụ (27), danh từ “*cô ta*” được sử dụng theo biểu thức: *danh từ thân tộc + đại từ*, trong trường hợp này là đại từ “*ta*”, để nhắc đến tình địch của mình, có sự phân biệt giới tính là nữ, với sắc thái suồng sã, ghét bỏ.

(26) Scarlett: Oh, so **she** did come? →
(27) Scarlett: Ô, **cô ta** cũng đã tới đó?

Trong ví dụ (28), Scarlett sử dụng đại từ nhân xưng ở ngôi thứ ba số ít “*she*”, có sự phân biệt giới tính, với sắc thái trung hoà khi trò chuyện cùng Rhett về Melanie Hamilton, sau khi đã hứa với chồng của Melanie (Ashley) là chăm sóc cho cô ấy khi Ashley đi vắng). Còn trong ví dụ (29), dịch giả đã sử dụng danh từ “*cô ấy*” theo biểu thức: *danh từ thân tộc + đại từ*, để nhắc đến chị chồng yếu ớt của mình, với sắc thái thân tình, gần gũi:

(28) Scarlett: To keep Melanie company. You see, **she** - well, **she** can't refugee just now.

→ (29) Scarlett: Để làm bạn với Melanie. Ông cũng hiểu đấy? Lúc này **cô ấy** chưa thể đi được.

Đối với ngôi thứ ba số nhiều “they (them)”: Trong ví dụ (14), đại từ “*they*”, làm chủ ngữ, đứng ở đầu câu và biến thể của nó là “*them*” làm tân ngữ, bổ ngữ cho động từ, ngôi thứ ba số nhiều, không có sự phân biệt giới tính, với sắc thái trung hoà. Còn trong ví dụ (15), “*chúng*” là đại từ nhân xưng ở ngôi thứ ba số nhiều trong tiếng Việt,

để chỉ bọn Yankee (quân lính Mỹ, bọn cơ hội làm giàu nhờ chiến tranh nội chiến ở Mỹ vào những năm 1860), với sắc thái coi thường, khinh bạc khi nhắc đến.

Trong ví dụ (30), cô cháu gái Melanie sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số nhiều “*they*” khi trò chuyện cùng chú Henry về cuộc chiến, với sắc thái trung hoà. Còn trong ví dụ (31) đại từ “*chúng*” được sử dụng để chỉ bọn Yankee, với sắc thái suồng sã, ghét bỏ.

(30) Melanie: Do you think **they** will?”
→ (31) Melanie: Chú có cho là **chúng** sẽ chiếm được không?

Từ những ví dụ về sự chuyển dịch đại từ nhân xưng trong giao tiếp tiếng Anh sang tiếng Việt trên cho thấy, nội dung và ngôi thứ không đổi nhưng có sự thay đổi về từ loại và biểu thức xưng hô.

b2. Về danh từ: Từ xưng hô bằng danh từ có nhiều loại như tên riêng, danh từ chỉ vật (nhân hoá), danh từ thân tộc, danh từ chỉ nghề nghiệp, ...

Đối với tên riêng: Trong ví dụ (2), tên riêng **Tom, Boyd** được sử dụng khi nhắc đến, với sắc thái thân tình nhưng không thể hiện được mối quan hệ liên nhân. Còn trong ví dụ (8), được dịch là “**anh Tom, anh Boyd**”, với sắc thái thân tình và thể hiện được mối quan hệ thứ bậc: Tom, Boyd lớn tuổi hơn.

Trong ví dụ (10), tác giả đã cố ý để cho Scarlett sử dụng cả họ và tên của ý trung nhân là “**Ashley Wilkes**” khi nhắc đến, với sắc thái lịch sự, tôn trọng. Trong ví dụ (11), được dịch là “**anh Asley Wilkes**” (11) cho thấy Tom, Boyd và Ashley Wilkes lớn tuổi hơn Scarlett, có sự phân biệt giới tính là nam, với sắc thái nể trọng, thể hiện được tình cảm và mối quan hệ thứ bậc.

Cũng trong ví dụ (10), tác giả đã sử dụng biểu thức: *Mr + tên/ họ*, để gọi một người nam nào đó với sắc thái lịch sự, trang trọng, “**Mr Lincoln**”. Trong ví dụ (11) được dịch là “**ông Lincoln**”, theo biểu thức: *danh từ thân*

tộc + tên/ họ, để gọi một người đàn ông lớn tuổi, với sắc thái trang trọng, có sự phân biệt giới tính và thể hiện mối quan hệ liên nhân giữa người nói nhỏ tuổi hơn người được nhắc đến là ông *Lincoln*.

Trong ví dụ (32), Stuart sử dụng biểu thức: *Miss + tên/ họ*, để nhắc đến cô của Melanie "*Miss Pitty*", với sắc thái lịch sự, có thể hiện sự phân biệt giới tính là nữ. Trong ví dụ (33), Stuart đã sử dụng biểu thức: *danh từ thân tộc + tên/ họ là cô Pitty*", với sắc thái kính trọng, có sự phân biệt giới tính và có thể hiện mối quan hệ liên nhân của con cháu nhỏ tuổi đối với người lớn tuổi hơn.

(32) Stuart: Well, **Miss Pitty** told us.
→(33) Stuart: Ủ, **cô Pitty** có dặn vậy.

Đối với *danh từ chỉ vật (nhân hoá)*: Trong ví dụ (8), danh từ mà Stuart dùng là "*Goose*", trong trường hợp này, Stuart đã dùng hình ảnh *một con ngỗng, hình ảnh khù khờ, ngốc nghếch* để gọi Scarlett bé nhỏ, một cách yêu thương, trìu mến. Trong ví dụ (9), được dịch là "*Cô bé khờ*", với sắc thái thân mật, yêu thương, có sự phân biệt giới tính và có thể hiện mối quan hệ liên nhân: với người yêu thương nhỏ bé.

Trong ví dụ (14), danh từ mà Stuart dùng danh từ "*Honey*", có nghĩa tương ứng chính xác là "*mật ngọt/ sự ngọt ngào/ (mình/ anh/ em) yêu quý*", trong trường hợp này, Stuart đã thể hiện sự thân mật, yêu thương, ngọt ngào, để gọi Scarlett. Còn ở ví dụ (15), được dịch là "*Cung*", với sắc thái ngọt ngào, cung yêu, chiều chuộng, nâng niu, che chở có sự phân biệt giới tính và có thể hiện mối quan hệ liên nhân: với người yêu thương nhỏ bé.

Trong ví dụ (34), Scarlett sử dụng danh từ "*Darling*", có nghĩa tương ứng chính xác là "*(mình/ anh/ em) yêu quý*", để trò chuyện một cách rộng lượng, ngọt ngào, yêu chiều với cô em gái Carreen. Trong ví dụ (35), trong trường hợp này, được dịch là "*em*

cung", thể hiện được sự rộng lượng, ngọt ngào, yêu chiều với cô em gái.

(34) Scarlett: **Darling**, I don't care a thing about Brent. → (35) Scarlett: **Em cung**, chị chẳng để ý gì đến Brent đâu.

Trong ví dụ (36), ông Gerald O'Hara, cha của Scarlett dùng "*Missy*" để gọi con gái, với sắc thái trang trọng, rất lịch sự, có sự phân biệt giới tính là nữ "*Missy (cô gái)*". Trong trường hợp này, ở ví dụ (37) được dịch là "*tiểu thư*", thể hiện sự yêu chiều của người cha, có chút hãnh diện và đề cao cùng pha lẫn một chút bất bình và tăng bốc con gái.

(36) Gerald: Well, **Missy!** so, you've been spying on me and, like your sister Suellen last week, you'll be telling your mother on me?"

→ (37) Gerald: Này, **tiểu thư**, có phải cô rình rập tôi để rồi cũng như con Suellen em cô tuần trước, mét lại với má cô không?

Trong ví dụ (10, 14), hai anh em sinh đôi Brent và Scarlett dùng biểu thức: *The + tên/ họ + s/es* (chỉ một gia đình ai đó) hoặc *The + tính từ* (để chỉ một nhóm người nào đó), để gọi bọn lính Mỹ đầu cơ, trục lợi là "*The Yankees*". Trong ví dụ (11, 15), được dịch là "*bọn Yankee*", với sắc thái coi thường, khinh bạc.

Trong ví dụ (38), Ashley tự nhận mình là "*a coward (một người hèn nhát)*" khi trò chuyện với Scarlett, không dám nói hết lòng mình. Trong ví dụ (39), được dịch là "*một kẻ khiếp nhược*":

(38) Ashley: Oh, Scarlett, what **a coward** I am!"

→ (39) Ashley: Ô, Scarlett, anh đúng là **một kẻ khiếp nhược!**

Theo quy tắc của tiếng Anh, một danh từ số ít chuyển sang số nhiều thì phải thêm *s/es* vào sau danh từ đó. Còn trong tiếng Việt thì thêm từ (*các/ những/ mấy/ bọn*) vào trước danh từ đó, tùy theo thái độ, tình cảm của người nói mà chọn từ cho phù hợp.

Nên trong ví dụ (14), Stuart đã gọi bọn Yakees là “*cowards (những người hèn nhát)*”. Và ở ví dụ (39) dịch là “*những tên khiếp nhược*”, trong tiếng Việt khi nói đến đám đông, nhiều người thì thêm từ (*các/ những/ bọn*) vào trước danh từ.

Trong ví dụ (40), nhân vật là bà vú già Mammy của Scarlett đã sử dụng “*Witless nigger (người da đen ngu dần)*” để gọi Rosa, đứa tớ gái trên lầu, với sắc thái suồng sã, coi thường, có thể hiện mối quan hệ liên nhân: chủ - tớ, quản gia/ vú nuôi với đầy tớ, có sự phân biệt chủng tộc (người da trắng thông minh, giàu có, còn người da đen ngu dần, nghèo khổ). Trong ví dụ (41), được dịch là “*đồ mọi cái*”, với sắc thái khinh thường, bị xem như súc vật, có sự phân biệt giới tính là “*cái (dùng cho vật: con đực, con cái)*”, trường hợp này, dịch giả dùng từ chuyển dịch không tương ứng chính xác với nội dung của bản nguồn (bản gốc), mà phải mượn hình ảnh con vật để nhân hoá cho phù hợp với đặc trưng của người Việt Nam (đà vàng, không có sự phân biệt chủng tộc giữa người da trắng với người da đen), là lấy hình tượng thông dụng, gần gũi của “*con mọi cái (con heo mọi đen trũi, xấu xí, ngu dần)*” trong tiếng Việt để chuyển dịch.

(40) Mammy: **Witless nigger**. → (41) Mammy: **Đồ mọi cái** ăn hại.

Về danh từ chỉ nghề nghiệp: Trong ví dụ (4, 14), Brent, Stuart sử dụng biểu thức: *danh từ chỉ nghề nghiệp + tên/ họ*, “*Judge Parmalee*”, “*General Beauregard*” với sắc thái lịch sự, trang trọng. Trong ví dụ (5, 15), biểu thức: *danh từ chỉ nghề nghiệp + tên/ họ*, để dịch là “*thẩm phán Parmalee*”, “*Đại tướng Beauregard*”, với sắc thái lịch sự, trang trọng.

Ở ví dụ (10), tác giả dùng theo biểu thức: *tính từ sở hữu + động từ + er* (thêm *s/es* nếu ở số nhiều) là “*our commissioners*”, với sắc thái lịch sự, trang trọng, tự hào về những người lãnh đạo của mình. Trong ví dụ (11), được dịch giả thêm từ *mấy* vào trước

danh từ và từ mang ý sở hữu (*của*), theo biểu thức: (*các/ mấy/ những*) + *danh từ chỉ nghề nghiệp + từ sở hữu (của)*, trong trường hợp này là “*mấy ông đặc uỷ của mình*”, với sắc thái lịch sự, trang trọng, tự hào.

Về danh từ thân tộc: Trong ví dụ (14), Scarlett sử dụng danh từ thân tộc “*Pa (Pa/Papa: cha, Ma/ manan: mẹ)*”, ngoài ra trong tiếng Anh cũng có các danh từ thân tộc để gọi ba/ mẹ là “*dad/ daddy, mom/mommy/ mum/ mummy*” để gọi cha/ mẹ của mình một cách thân yêu, trêu mến. Bên cạnh đó, ở ví dụ (14), Scarlett sử dụng biểu thức: *tính từ sở hữu + danh từ thân tộc* như “*his (father/ mother)*” để nhắc đến cha/ mẹ của ai đó (*cha của Ashley*), với sắc thái lịch sự, trang trọng, yêu thương. Trong ví dụ (11), biểu thức: *danh từ thân tộc + đại từ nhân xưng*, “*ba tôi*”, được sử dụng để Scarlett nhắc đến cha của Ashley, được dịch là “*ba anh ấy*”, theo biểu thức: *danh từ thân tộc + đại từ chỉ định*, với sắc thái yêu thương, kính trọng, thể hiện rõ mối quan hệ liên nhân: cha/ mẹ và con cái.

Ví dụ (42), nhân vật là Scarlett dùng “*mother - you*” để gọi mẹ của mình, với sắc thái lịch sự, kính trọng và dùng đại từ để tự xưng là “*I*”, với sắc thái trung hoà. Trong ví dụ (43), được sử dụng danh từ thân tộc “*má (theo phương ngữ Nam)*” và tự xưng là “*con*”, rất lịch sự, yêu thương.

(42) Scarlett: **Mother**, the lace is loose on my new ball dress and **I** want to wear it tomorrow night at Twelve Oaks. Won't **you** please fix it?

→ (43): **Má!** Áo dạ hội **con** sút ren rồi, **con** muốn bận nó ngày mai ở Twelve Oaks. **Má** có thể kết lại cho **con** chớ?

Trong ví dụ (44), nhân vật Melanie sử dụng danh từ thân tộc “*Uncle (chú/ bác/ cậu/ dượng)*”, với sắc thái trang trọng, theo biểu thức: *Danh từ thân tộc + tên/ họ* và đại từ nhân xưng ngôi thứ hai “*you*”, với sắc thái trung hoà khi trò chuyện về cuộc chiến cùng chú Henry (chú của Charles và

Melanie, là luật sư ở Atlanta, một ông già nhỏ nhắn và vui tươi). Trong ví dụ (45), biểu thức: *Danh từ thân tộc + tên/ họ*, được sử dụng để nhắc đến “**chú Henry**”, với sắc thái trang trọng, lịch sự.

(44) Melanie: Oh, **Uncle Henry**! do you think ...?” →(45) Melanie: “Ôi, **chú Henry**! **Chú** có cho là ... ?

Từ những ví dụ về sự chuyển dịch danh từ xưng hô trong giao tiếp tiếng Anh sang tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy nội dung và ngôi thứ không đổi nhưng có nhiều thay đổi về cách sử dụng biểu thức xưng hô trong giao tiếp cho phù hợp với thái độ, tình cảm, mối quan hệ liên nhân, vị thế và đặc trưng văn hoá của ngôn ngữ đích. Có khi, việc chuyển dịch danh từ xưng hô từ tiếng Anh sang tiếng Việt không thể dịch sát nghĩa mà phải dùng nghĩa tương đương.

5. Vận dụng lí thuyết chuyển dịch từ ngữ xưng hô giữa hai ngôn ngữ trong giảng dạy

Do trong tiếng Anh, các nhân vật thường sử dụng đại từ nhân xưng trong giao tiếp để chuyển tải nội dung, chỉ với sắc thái trung hoà, còn trong tiếng Việt, các đại từ nhân xưng phân bổ không đều về sắc thái (không có đại từ nhân xưng ở sắc thái lịch sự, trang trọng, chỉ có ở sắc thái trung hoà, thân mật và suồng sã), không đủ đại từ xưng hô để sử dụng trong giao tiếp, do đó danh từ xưng hô có phần lẫn lộn, cho nên, khi dịch những câu có đại từ nhân xưng thì không thể dịch tương đương “một đối một” được. Để đảm bảo nội dung và sắc thái biểu cảm của nó thì bắt buộc người dịch phải thay đổi biểu thức xưng hô cho phù hợp với từng mức độ của hoàn cảnh, tình huống, trạng thái và bản sắc văn hoá theo từng loại hình ngôn ngữ khác nhau.

Từ những vấn đề trên, chúng tôi có những đề xuất về phương pháp chuyển dịch từ xưng hô từ ngôn ngữ nguồn (tiếng Anh) sang ngôn ngữ đích (tiếng Việt) như sau:

a. *Việc chuyển dịch một từ xưng hô từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích không phải lúc nào cũng tương ứng chính xác về từ loại.* Có thể dịch đại từ xưng hô thành đại từ xưng hô, danh từ xưng hô thành danh từ xưng hô nhưng cũng có thể dịch theo biểu thức xưng hô ở dạng tương ứng về nghĩa của ngôn ngữ đích (tiếng Việt).

Nói chung, tùy theo ngữ cảnh, hoàn cảnh của cuộc thoại mà có sự chuyển dịch cho phù hợp, cụ thể ở đây là tiếng Anh sang tiếng Việt:

Đại từ → đại từ như “*they*” ở ví dụ (30) → “*chúng*” ở ví dụ (31).

Đại từ → biểu thức xưng hô như “*we*” ở ví dụ (22) → “*tụi này*” ở ví dụ (33).

Đại từ → danh từ thân tộc như “*You - I*” ở ví dụ (16) → “*anh - em*” ở ví dụ (17).

b. *Việc chuyển dịch một danh từ xưng hô từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích không tương ứng chính xác với ý nghĩa gốc,* là cách dịch ngôn ngữ đích khác với ngôn ngữ nguồn, mà ý nghĩa dịch này là nghĩa bóng (nhân hoá), có thể dùng biểu tượng nào đó gắn với đặc trưng văn hoá của ngôn ngữ đích, thông dụng hơn so với ý nghĩa của ngôn ngữ nguồn. Ví dụ:

Danh từ “*Goose*” ở ví dụ (8), có nghĩa tương ứng chính xác là “*con ngỗng cái*” hoặc là “*người ngốc nghếch, người khờ dại*”, được dịch sang tiếng Việt, trong ngữ cảnh này, Stuart dùng để gọi Scarlett một cách yêu thương, triêu mến là “*Cô bé khờ*” ở ví dụ (9).

Danh từ “*Witless nigger*” ở ví dụ (40) của ngôn ngữ nguồn (tiếng Anh), có nghĩa tương ứng chính xác là “*người da đen ngu dốt*”, nhưng trong ngôn ngữ đích không có hình ảnh của người da đen nên không chuyển tải được hết nội dung, phải dùng hình tượng “*con heo mọi cái*”, thông dụng, gần gũi trong tiếng Việt, như ở ví dụ (41) là “*Đồ mọi cái*” ăn hại.

Hoặc như danh từ “*honey*” ở ví dụ (14), có nghĩa tương ứng chính xác là “*mật ong/ mật ngọt*”, khi dịch sang tiếng Việt cũng trong ngữ cảnh mà Stuart dùng để gọi Scarlett một cách yêu thương, trìu mến là “*cung*” ở ví dụ (9).

c. *Chuyển dịch một danh từ xưng hô từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích tương ứng chính xác với ý nghĩa gốc*, là cách dịch các biểu thức xưng hô như: *danh từ thân tộc + tên/ họ*, của các nhân vật tham gia giao tiếp ở ngôn ngữ nguồn (tiếng Anh), có nghĩa tương ứng chính xác với ngôn ngữ đích (tiếng Việt). Cần phải tôn trọng thứ bậc, vị thế, mối quan hệ liên nhân, thái độ, tâm lí, tình cảm và văn hoá của nhân vật ở ngôn ngữ đích (tiếng Việt) trong gia đình và ngoài xã hội như các ví dụ (42): Danh từ thân tộc “*mother*” được cô con gái Scarlett sử dụng để gọi mẹ một cách yêu thương, lịch sự, có nghĩa tương ứng chính xác là “*mẹ/ má*” trong tiếng Việt. Đa số các bà mẹ ở Việt Nam được con của mình gọi một cách yêu thương, lịch sự như vậy, nên ở ví dụ (43), danh từ thân tộc “*Má*” được sử dụng.

Hoặc như, biểu thức: *danh từ thân tộc + tên/ họ* như “*Uncle Henry*” ở ví dụ (44), với sắc thái trang trọng, lịch sự, “*Uncle*” trong tiếng Anh có nghĩa tương ứng chính xác là “*chú/ bác/ cậu*” thì sang tiếng Việt, với sắc thái trang trọng và lịch sự như vậy, nên ở ví dụ (45), biểu thức: *danh từ thân tộc + tên/ họ* như “*Chú Henry*” được sử dụng.

6. Kết luận

Từ những miêu tả, phân tích trên, cho thấy từ ngữ xưng hô được sử dụng ở hai ngôn ngữ có thể hiện thái độ tình cảm, tâm lí, nhận thức, thói quen, văn hoá, ... của

nhân vật tham gia giao tiếp. Trong tiếng Anh từ ngữ xưng hô ít bị chi phối về địa vị, tuổi tác, tình cảm, mối quan hệ liên nhân hơn trong tiếng Việt.

Trong tiếng Anh, đại từ nhân xưng được sử dụng phổ biến hơn danh từ, còn trong tiếng Việt thì danh từ (chủ yếu là danh từ thân tộc) được sử dụng phổ biến hơn đại từ và được dùng với những biểu thức xưng hô đa dạng hơn nên nó chiếm số lượng từ rất lớn và có phần lấn át các đại từ trong giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1993), *Dụng học và Dịch thuật. Những vấn đề ngôn ngữ và dịch thuật*, Nxb ĐHSP Ngoại ngữ Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Chiên (1993), “*Từ xưng hô trong tiếng Việt (Nghiên cứu ngữ dụng học và dân tộc học giao tiếp)*”, Kỷ yếu, *Những vấn đề Ngôn ngữ và Văn hoá*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Trường ĐHSP Ngoại ngữ Hà Nội, tr.61 - 65.
3. Đỗ Thị Kim Liên, “*Từ xưng hô trong hội thoại*”, *Ngữ học trẻ* 98, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, 1998, tr.12 - 18.
4. Nguyễn Việt Tiến (2010), “*Ngữ dụng học với việc dạy và học ngoại ngữ (trên cứ liệu tiếng Pháp)*”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ* 26, tr.151-162.
5. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 1994.

Sách trích dẫn ví dụ

6. Margaret Mitchell (2005), *Gone with the wind*, Macmillan Publisher.
7. Michael Rundel (2002), *Macmillan English Dictionary*, Macmillan.
- Vũ Kim Thư (2009), *Cuốn theo chiều gió*, Nxb Thời Đại

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-05-2012)